

TUYỂN TẬP BỘ ĐỀ ÔN THI HỌC KỲ II
TIẾNG ANH
LỚP 5

-16 TESTS INSIDE-

VnDoc.com

TEST 1

I. Chọn từ khác bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng (A, B, C hoặc D)

- | | | | |
|-----------------|-------------|----------------|-------------|
| 1. A. tooth | B. eye | C. head | D. aspirin |
| 2. A. bought | B. flew | C. danced | D. sang |
| 3. A. beautiful | B. souvenir | C. interesting | D. colorful |
| 4. A. weather | B. summer | C. autumn | D. winter |
| 5. A. who | B. how | C. why | D. this |

II. Chọn đáp án đúng (A, B, C hoặc D) điền vào chỗ trống trong mỗi câu sau.

1. What are you going tomorrow?
A. to do B. do C. did D. doing
2. They swimming last Saturday.
A. go B. going C. went D. goes
3. He should go to the because he has a toothache.
A. dentist B. nurse C. teacher D. doctor
4. What's the matter you? ~ I have a cold.
A. to B. with C. from D. in
5. How many seasons are in England?
A. these B. those C. they D. there
6. It's often in the rainy season.
A. cold B. warm C. rainy D. sunny
7. the weather like in spring?
A. When's B. Where's C. Who's D. What's
8. She always to school by bike.
A. went B. is going C. go D. goes
9. He football in the yard now.
A. plays B. is play C. playing D. is playing
10. The students often travel to school bike.
A. by B. in C. with D. on

III. Xếp các câu sau thành bài hội thoại.

- | | |
|---|---|
| | Yes, we did. We held it in the schoolyard. |
| | We spoke, told stories and sang songs in English. |
| | Did you enjoy it? |
| 1 | Did your school hold an English speaking contest last Sunday? |
| | What did you do there? |
| | Yes, I did. It was interesting. |

IV. Chọn từ cho sẵn trong khung điền vào chỗ trống trong đoạn hội thoại.

matter	tired	fever	take	out
---------------	--------------	--------------	-------------	------------

Nam : I'm very, Mom.

Mom : What's the (2) with you, son?

Nam : I have a (3) I have a headache, too.

Mom : You should (4) some aspirins and you shouldn't go (5)

V. Xếp từ bị xáo trộn thành câu có nghĩa.

1. Going / we / to / are / Do Son / next weekend / visit.

.....

2. Fly / he / the / wants / kite / to.

.....

3. Doctor / see / you / the / should.

.....

4. My / anything / didn't / mother / buy.

.....

5. The / is / warm / spring / in / weather?

.....

VI. Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi ở d- ới.

Last Sunday, Lan didn't go to school, but she went to her friend's birthday party. She got up early in the morning, went to the shop, and bought some gifts and flowers. Then, she went to her friend's house. At the party, she ate a lot of cakes and drank soft drink. She danced beautifully, sang many songs, and told a lot of interesting stories. All her friends were there too. They played many games such as hide — and — seek, skipping rope and cards. They were very happy and enjoyed themselves a lot. Finally, the party came to an end. They said goodbye to each other and went home late in the evening.

1. Where did Lan go last Sunday?

.....

2. What did she buy for her friend?

.....

3. What did she do at the party?

.....

4. Did they enjoy themselves a lot?

.....

5. When did they go home?

.....

VnDoc.com

TEST 2

I. Chọn từ khác bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng (A, B, C hoặc D)

- | | | | |
|---------------|-------------|--------------------|------------|
| 1. A. windy | B. cloudy | C. sky | D. rainy |
| 2. A. fever | B. matter | C. toothache | D. cough |
| 3. A. mouth | B. arm | C. health | D. eye |
| 4. A. summer | B. spring | C. season | D. winter |
| 5. A. village | B. bus stop | C. railway station | D. airport |

II. Chọn đáp án đúng (A, B, C hoặc D) điền vào chỗ trống trong mỗi câu sau.

1. It takes about thirty hours from Hanoi to Ho Chi Minh City.
A. to fly B. flying C. fly D. to flying
2. is it from Hanoi to Hue? ~ About 900 kilometers.
A. How old B. How C. How far D. How many
3. There are four in my country: spring, summer, autumn and winter.
A. season B. seasons C. people D. students
4. What you next weekend?
A. do / do B. are / do C. did / do D. are / going to do
5. Where is Tony from? ~ He is from
A. Vietnamese B. American C. Singapore D. Singaporean
6. Yesterday John go to school because he a toothache.
A. didn't / had B. doesn't / has C. didn't / has D. doesn't / had
7. I sometimes go in the winter.
A. ski B. skiing C. to ski D. to skiing
8. are you going this summer holiday? ~ I'm going to Paris.
A. How B. What C. Where D. Who
9. We want to have a good time Hanoi.
A. on B. at C. for D. in
10. Hoa a letter to her pen friend now.
A. is writing B. is writing C. writes D. wrote

III. Nối câu hỏi ở cột A và câu trả lời thích hợp trong cột B.

Cột A	Cột B	Bài làm
1. Where did Hoa go last Sunday?	a) We are going to hold a School Festival.	
2. What do you usually do in summer?	b) Because she can't go swimming.	
3. What are you going to do next week?	c) It's May 14 th , 2011.	
4. Why doesn't your sister like the winter?	d) She went to visit her grandparents.	
5. What's the date today, Nam?	e) I usually play sports with my friends.	

IV. Tìm và sửa lỗi sai trong mỗi câu sau.

- 1. What's the matter by you? _____
- 2. Last Saturday, I am at Hoa's birthday party. _____
- 3. He likes watching TV. He watch it every day. _____
- 4. Mai is writeing a letter at the moment. _____
- 5. I play sometimes football in the afternoon. _____

V. Xếp từ bị xáo trộn thành câu có nghĩa.

- 1. where / museum / is/ ? / the

- 2. going / to / I'm / . / Vung Tau

- 3. drink / . / warm / water / should / you

- 4. yesterday / you / at / ? / did / home / stay

- 5. doesn't / volleyball / . / Mary / to / want / play

VI. Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi ở d- ới.

Hello! My name is Peter. I am from England. I'm having a wonderful time in Nha Trang. The beach is nice. The hotels look beautiful and the seafood is excellent. The weather is lovely, so I go swimming most of the time. Yesterday, I met a pretty girl from Da Nang. She was very friendly.

- 1. Where is Peter from?

- 2. Where is he now?

- 3. What is seafood like?

- 4. What is the weather like?

5. Did he meet a pretty girl from Hanoi?

VnDoc.com

TEST 3

Bài 1: Sắp xếp lại các từ để hoàn thành các câu.(2,5đ)

a. Vietnam/ four/ There/ in/ seasons/ are.

→.....

b. autumn/ like/ the/ What's/ weather/ in?

→.....

c. yesterday / letter/ friend/ wrote/ He/ to/ a/ his.

→.....

d. here/ far/ is/ How/ it/ from?

→.....

e. amusement/ We/ the/ going/ are/ park/ to.

→.....

Bài 2: Chọn và khoanh vào từ đúng A, B, hoặc C để phù hợp ở các câu.(2.5đ).

a. In _____, it is warm and beautiful.

A. summer B. winter C. spring.

b. She _____ to the doctor. She has a fever.

A. shouldn't B. should goes C. should go.

c. What _____ Tom do last night?

A. does B. did C. was.

d. _____ is going to travel to Hanoi? Mrs Brown.

A. where B. when C. who.

e. Turn left. It's _____ your right.

- A. on
- B. in
- c. from.

Bài 3 : Tìm từ có cách đọc khác các từ còn lại ở phần gạch chân và khoanh tròn từ đó trong các câu sau. (2 đ).

- a. candy many after mattter
- b. ride picnic music visit
- c. fever better she because
- d. museum lunch mum Sunday

Bài 4: Đọc đoạn dưới đây.

There are four seasons in Vietnam. They are: spring, summer, autumn and winter. In summer, it is sunny and hot. Nam and Mai are going to visit Hanoi this summer. They are going to there by train. And They are going to stay there for six days. They are going to the park and the zoo.

Trả lời các câu hỏi dưới đây. (2 đ).

- a. How many seasons are there in Vietnam?
→.....
- b. What's the weather like in summer?
→.....
- c. Who is going to visit Hanoi?
→.....
- d. How are they going there?
→.....

Bài 5: Viết một đoạn ngắn giới thiệu về thời tiết ở Việt Nam trong hai mùa(in spring, in winter) (1 đ).

.....

.....

.....

.....

The end.

TEST 4

I. Hoàn thành các câu sau : (4 điểm)

1. Where ___ they from ?
2. My father __ a farmer.
3. _____ were you born ?
4. What are you doing _____ ?
5. What is the matter _____ you ?
6. She wants to __ a doctor.
7. ___ far is it from here to Hong Linh Town ?
8. It's ___ in summer.

II. Khoanh tròn vào chữ cái tr- óc đáp án đúng nhất: A, B, C hoặc D. (2 điểm)

- 1 . Yesterday, he to school.
A. went B. go C . are D . is
2. She usually goes to school bus.
A. at B. on C . in D . by
3. How is it from here to Vinh ?
A. left B. far C. near D . right
- 4 . What the weather like ?
A. are B. do C . is D . does
5. What do you usually do summer
A. in B. on C . at D . to

III. Gạch chân những từ sai ở cột A và viết lại cho đúng vào cột B : (3 điểm)

A	B
1. spring, hot, summer, friend, airport, when	1.....
2. stadium, cool, island, weekend, prom, always	.
3. badminton, where, cinema, last, kilometer, col	2.....
g	...
4. weather, visit, candy, doctor, birthday, sing	3.....
	.

	4..... .
--	-------------

IV.Sắp xếp các từ sau thành câu hoàn chỉnh . (1 điểm)

1. is/Duc Tho/ far / it/ how/

from/here/to?.....

2. he/Phu Quoc island/is/ going/ visit/ to? ...

.....

VnDoc.com

TEST 5

I. Hoàn thành các câu sau : (4 điểm)

1. _____ is your birthday ?
2. He want to __ a worker.
3. Turn right. It's __ your left.
4. It's _____ in autumn.
5. How far is it _____ Vinh to Ha Noi ?
6. We ___ going to play hide and seek.
7. ___ you visit Tuan Chau island ? Yes, I did.
8. What do you usually do __ winter ?.

II. Khoanh tròn vào chữ cái tr- ớc đáp án đúng nhất: A, B, C hoặc D. (2 điểm)

- 1 . How do you play badminton ?
 A. far B. often C . never D . ever
2. What did you do at the festival ?.
 A. danced B. dance C . sing D . draw
3. The matter with you ?
 A. when B. who C. what D . how
- 4 . Did you clean the floor yesterday ?....., I did.
 A.No B. it C . oh D . yes
5. Where the amusement park ?
 A. are B. is C . am D . be

III. Gạch chân những từ sai ở cột A và viết lại cho đúng vào cột B : (3 điểm)

A	B
1.sqring,hot,gane,friend,airport,whem	1.....
2.stedium,cool,ixland,weekand,prom,always	2.....
3.babminton,who,cinena,last,kilomiter,colg	3.....
4.bika,vizit,cendy,doctor,birphday,sing,my	4.....

IV. Sắp xếp các từ sau thành câu hoàn chỉnh . (1 điểm)

1. she/is/ going / train/ by/to/travel?

.....

2. in/you/do/usually/spring/do/ what?

.....

VnDoc.com

TEST 6

I. Hoàn thành các câu sau : (4 điểm)

1. _____ is your birthday ?
2. His sister wants to __ a singer.
3. Turn left. It's __ your right.
4. It's _____ in spring.
5. How ___ is it from Ha Noi to Ho Chi Minh City ?
6. They ___ going to skipping rope.
7. ___ you do homework last night ?
8. What do you usually do __ winter ?.

II. Khoanh tròn vào chữ cái tr- ớc đáp án đúng nhất: A, B, C hoặc D. (2 điểm)

- 1 . How do you play badminton ?
 A. far B. often C . never D . ever
2. What did you do at the festival ?.
 A. danced B. dance C . sing D . draw
3. The matter with you ?
 A. when B. who C. what D . how
- 4 . Did you clean the floor yesterday ?....., I did.
 A.No B. it C . oh D . yes
5. Where the amusement park ?
 A. are B. is C . am D . be

III. Gạch chân những từ sai ở cột A và viết lại cho đúng vào cột B : (3 điểm)

A	B
1.spring,hot,gane,friend,birphday,whem	1.....
2.stedium,cool,ixland,weekand,prom,cend	.
y	2.....
3.babminton,who,cinena, ,kilomiter,colg	...
4.bika,vizit,always,doctor,airport,sing	3.....
	.

	4..... .
--	-------------

IV.Sắp xếp các từ sau thành câu hoàn chỉnh . (1 điểm)

1. he/is/ going/by/travel/bus/to?

.....

2. in/you/do/usually/winter/do/ what?

.....

VnDoc.com

TEST 7

I. Hoàn thành các câu sau : (4 điểm)

1. _____ is your birthday ?
2. He want to __ a worker.
3. Turn right. It's __ your left.
4. It's _____ in autumn.
5. How far is it _____ Vinh to Ha Noi ?
6. We ___ going to play hide and seek.
7. ___ you visit Tuan Chau island ? Yes, I did.
8. What do you usually do __ winter ?.

II. Khoanh tròn vào chữ cái tr- ớc đáp án đúng nhất: A, B, C hoặc D. (2 điểm)

- 1 . Yesterday, he to school.
 A. went B. go C . are D . is
2. She usually goes to school bus.
 A. at B. on C . in D . by
3. How is it from here to Vinh ?
 A. left B. far C. near D . right
- 4 . What the weather like ?
 A. are B. do C . is D . does
5. What do you usually do summer
 A. in B. on C . at D . to

III. Gạch chân những từ sai ở cột A và viết lại cho đúng vào cột B : (3 điểm)

A	B
1. spring, hot, game, friend, birthday, when	1.
2. stadium, cool, island, weekend, prom, cend y	2.
3. badminton, who, cinema, kilometer, colg	3.
4. bike, visit, always, doctor, airport, sing	3.

	4..... .
--	-------------

IV.Sắp xếp các từ sau thành câu hoàn chỉnh . (1 điểm)

1. she/is/ going / train/ by/to/travel?

.....

2. in/you/do/usually/spring/do/ what?

.....

VnDoc.com

TEST 8

I. (2đ) Em hóy khoanh trũn vào 1 từ khỏc với nhũng từ cũn lại.

- | | | | |
|---------------|------------|------------|----------------|
| 1. A. kitchen | B. bedroom | C. bed | D. livingroom |
| 2. A. behind | B. door | C. next to | D. on |
| 3. A. sing | B. dance | C. play | D. bathtub |
| 4. A. teacher | B. door | C. window | D. table |
| 5. A. his | B. my | C. her | D. they |
| 6. A. am | B. is | C. are | D. can |
| 7. A. spider | B. dog | C. desk | D. rabbit |
| 8. A. teacher | B. mother | C. father | D. grandfather |

II. (5đ) Em hóy khoanh trũn và o đ ỏp ỏn đ ỳng.

1. There ____ a book next to the table.
A. am B. is C. are D. can
2. There are ____ in front of the bed.
A. book B. chair C. lamps D. sofa
3. What is ____ telephone number ? It is 0563870238.
A. your B. you C. they D. we
4. Lan can sing a song ____ she can't dance.
A. and B. or C. the D. but
5. Is the lamp in the bathroom ? No, it is ____ .
A. not B. no C. nor D. and
6. There are books ____ the table.
A. a B. an C. under D. this
7. Is there a window behind the bed? Yes, ____ is.
A. they B. this C. those D. there
8. I can ____ find my book.
A. no B. do C. are D. not
9. Look at ____ . She can draw a picture.
A. him B. her C. we D. me
10. I can ride a bicycle but I ____ ride a pony.
A. can B. do C. isn't D. can't

III. (3đ) Em hóy khoanh trũn và o cũu trỏ lờ i đ ỳng.

1. Can she speak English?
A. No, he cannot B. Yes, she can C. Yes, she do D. No, she doesn't
2. Where do you live ?
A. I live in Binh Đinh B. It's Binh Đinh C. We live in Hanoi D. Yes, I do
3. What's wrong, Lan?
A. I'm nine years old B. I'm fine, thanks C. I can't hear the teacher D. I'm Lan
4. Are there cats next to the chair ?
A. Yes, there are B. No, there are C. Yes, there is D. No, there isn't
5. What is his name ?
A. Her name 's Lan B. His name 's Nam C. He is nine year old D. He is fine
6. What can you do?
A. I'm fine B. It's a ruler C. I'm Lan D. I can speak English

The end

TEST 9

I - Circle the odd one out: (2 ms)

- | | | | |
|----------------|--------------|-----------|-------------|
| 1. A. visiting | B. watching | C. taking | D. were |
| 2. A. photo | B. bought | C. flew | D. sang |
| 3. A. sunny | B. weather | C. rainy | D. windy |
| 4. A. leg | B. toothache | C. cold | D. headache |

II. Choose the best answer to complete the following sentences: (4 ms)

5. Linda _____ her homework now.
 A. is doing B. does C. did D. doing
6. She _____ camping last summer.
 A. went B. is going C. go D. goes
7. Alan _____ a letter to his new pen friend at the moment.
 A. writes B. is writing C. wrote D. writing
8. She always _____ to school by bike.
 A. went B. is going C. go D. goes
9. Lili _____ a letter to her new pen friend yesterday.
 A. write B. writing C. writes D. wrote
10. Alan should _____ because he has a fever.
 A. go to an engineer B. go to a farmer C. go to the doctor D. go swimming
11. Are you going _____ TV this evening?
 A. watch B. watching C. to watch D. watched
12. Linda _____ going to visit her friends next weekend.
 A. was B. is C. 's D. B&C

III. Reorder the words to make sentences: (2 ms)

13. going/I/school/am/by bike/next Monday/to.
 ✂.....
14. often/We/go/in/swimming/summer
 ✂.....
15. weekend/ did /go/ Where/ you/last?
 ✂.....
16. visit/going/She/is/her/tomorrow/friends/to.
 ✂.....

IV. Read the passage and then do the tasks that follow: (2 ms)

Next weekend Tom and his friends are going to visit Do Son. They are going to travel by bus. They're going to stay in a hotel and enjoy seafood there. The next day, they are going to go swimming and take a lot of photos. They are going to buy their families some interesting souvenirs

17. How are they going to travel?
 ✂.....
18. Where are they going to stay?
 ✂.....
19. Are they going to go swimming?

✍
✍

20. What are they going to buy?

✍

VnDoc.com

TEST 10

I. Sắp xếp các chữ sau thành từ hoàn chỉnh (1ms)

- 1. nksi →
- 2. ouhes →
- 3. ookshbelf →
- 4. onetephle →

II. Chọn đáp án đúng (3ms)

- 1. do you live ? I live Song Cau town, Phu Yen province.
 A. What / in B. Where / in C. Who / in D. Where / by
- 2. What is your ? It is 10 Nguyen Hue
 A. number / street B. address / streets C. address / street D. number / streets
- 3. Where the stove ? It is in the
 A. is / bedroom B. are / bathroom C. is / kitchen D. are / dining room
- 4. Is bed next the chair ? Yes, it is.
 A. the / by B. a / to C. the / of D. the / to
- 5. What is, Lisa ? I can't my crayon.
 A. wrong / find B. matter / hear C. wrong / hear D. matter / find
- 6. Look at ! He can a pony.
 A. me / ride B. he / ride C. him / ride D. his / ride
- 7. Is there a lamp in front the table?, there isn't.
 A. of / No B. on / Yes C. on/ No D. of/ Yes
- 8. He can a bicycle.
 A. read B. ride C. write D. do

9. can she do? She canchopsticks.

- A. What/ use B. What/ sing C. How/ use D. How/ sing

10. swim? Yes, he can.

- A. She can B. Can he C. he can D. Can she

11. I can sing a song. What you? I can dance.

- A. are B. about C. do D. can

12. This is house.

- A. me B. I C. my D. he

III. Trả lời các câu hỏi sau (3ms)

1. Nam can speak English. What about you?

I can

I can't

2. Where is the sofa?

.....

3. What's your telephone number?

.....

IV. Sắp xếp lại các từ sau thành câu hoàn chỉnh (3ms)

1. the / Are / balls / there / under / bed ? :

2. Hit / sit / the / pit. / ball / and / in / the :

3. the / on / frog / the / are / The / dog / log. / and :

.....

TEST 11**Bài 1: Khoanh tròn vào từ có cách phát âm ở phần gạch chân khác với từ còn lại**

1. A. windy B. sunny C. sky D. rainy
2. A. weather B. cream C. health D. headache
3. A. mouth B. cloud C. about D. your.
4. A. cold B. hot C. sore D. body
5. A. headache B. toothache C. watch D. earache

Bài 2: Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu

1. What' s the weather likeHanoi today (*in, on, at.*)
2. It rainy in Thai Binh yesterday (*is, are, was*)
3. What the people like ? (*is, are, was*).
4. There are some picturesthe wall (*in, on, at*)
5. The food is (*good, sunny, windy*)
6. In summer, it is usually (*warm, cold, hot*)

Bài 3: Kết hợp 1 câu hỏi ở cột A với 1 câu trả lời ở cột B cho phù hợp

A	B	Phần trả lời
1. When do you begin the new school year?	a. In spring	1--
2. What do you usually do in summer holiday?	b. Because it is usually cold, sometimes very cold	2--
3. When do you have Tet holidays?	c. In autumn	3--
4. Why don't you like the winter?	d. I usually go swimming or fishing	4--

Bài 4: Mỗi câu sau có 1 lỗi sai, em hãy gạch chân lỗi sai và sửa lại cho đúng

1. What's the matter to you?
-

2. Last weekend, I am at my friend's birthday party.

.....

3. She watches T.V every day.

.....

4. There is some books on the table

.....

5. Elephants are bigger than monkeys

.....

Bài 5 :Sắp xếp lại các từ, cum từ đã cho thành câu hoàn chỉnh

1. nice / swimming / the / for / sea / is

.....

2. having / in / I'm / Vung Tau / holiday / a.

.....

3. drink / some/ lemon juice / should / honey/ you/ and.

.....

4. yesterday / you / at / did / home / stay /?/

.....

Bài 6: Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi

I'm having a wonderful time in Quang Ninh. The beach is nice. The hotels look beautiful and the seafood is excellent. The weather is lovely, so I go swimming most of the time. Yesterday I met a pretty girl from Thai Binh. She was very friendly.

6. Where is Peter ?

.....

7. What is the seafood like ?

.....

8. Why does he go swimming most of the time ?

.....

9. Did he meet a pretty girl from Hanoi ?

.....

TEST 12

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C, D) từ có cách phát âm ở phần gạch chân khác với từ còn lại (1,5 điểm)

- | | | | |
|------------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| 1. A. m <u>a</u> n | B. f <u>a</u> t | C. g <u>a</u> me | D. m <u>a</u> ths. |
| 2. A. le <u>a</u> rned | B. tu <u>r</u> ned | C. li <u>s</u> tened | D. wa <u>l</u> ked. |
| 3. A. sp <u>o</u> rty | B. e <u>a</u> sy | C. w <u>h</u> y | D. c <u>o</u> untry |
| 4. A. fr <u>o</u> m B. | <u>O</u> ctober | C. N <u>o</u> vember | D. l <u>o</u> ng |
| 5. A. w <u>e</u> ather | B. cr <u>e</u> am | C. h <u>e</u> alth | D. h <u>e</u> adache |
| 6. A. c <u>o</u> ld | B. h <u>o</u> t | C. s <u>o</u> re | D. b <u>o</u> dy |

Bài 2: Có bao nhiêu cách đọc ở phần đoc gạch chân của các từ sau:(1,25 điểm)

- | | | | | |
|-----------------------|-----------------------|----------------------|---------------------|-------|
| 1. A. z <u>e</u> bra | B. g <u>e</u> t | C. e <u>l</u> ephant | D. sh <u>e</u> | _____ |
| 2. A. w <u>a</u> sh | B. b <u>a</u> dminton | C. g <u>r</u> ade | D. a <u>m</u> azing | _____ |
| 3. A. m <u>o</u> nkey | B. d <u>o</u> | C. br <u>o</u> ther | D. s <u>o</u> | _____ |
| 4. A. br <u>i</u> dge | B. w <u>i</u> de | C. r <u>i</u> ver | D. h <u>i</u> gh | _____ |
| 5. A. f <u>a</u> st | B. l <u>a</u> st | C. m <u>a</u> n | D. l <u>a</u> te | _____ |

Bài 3: Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu (1,5 điểm)

- I'm going to travel _____ train (*by, in, on*)
- What is he going to do _____ month ? (*next, last, a*)
- Turn right _____ High Street. (*into, to, at*)
- _____ can I get there ? (*how, what, where*)
- There are _____ pens on the bookshelf (*a, an, some*)
- _____ gets up at 6.00. (*I, We, She*).

Bài 4: Sắp xếp các câu sau thành bài hội thoại hợp lý (2 điểm)

- Thank you very much
- How can I get there?
- Excuse me.
- Go straight ahead, then turn right. the post office is next to the school
- Yes. there is one near Hight Street.
- You are welcome
- Is there the post office near here ?
- Yes ?

3							
---	--	--	--	--	--	--	--

Bài 5: Chọn 1 từ thích hợp trong khung để hoàn thành các câu sau(1,25 điểm)

Badminton	subjects	play	at	study
------------------	-----------------	-------------	-----------	--------------

A: What did you do yesterday ?

B: I studied _____ school

A: What _____ did you study?

B: I _____ Vietnamese, English and art.

A: Did you _____ football?

B: No, I didn't. I played _____.

Bài 6: Mỗi câu sau có 1 lỗi sai. Em hãy tìm và sửa lại cho đúng (1,5 điểm)

1. Go straight ahead into the traffic lights and turn left

.....

2. What's the weather like yesterday?

.....

3. Does he plays football?

.....

4. How long is Nam? - He is one hundred and forty-five centimetres

.....

5. We usually listen music in the morning

.....

6. Let is play cards

.....

Bài 7 . Đọc đoạn văn và điền T nếu thông tin là đúng, F nếu thông tin là sai vào các câu bên dưới.(1 điểm)

My name is Phong. I like to play football very much and I want to be a footballer. I watch all the football matches o T.V. This is my friend. Her name is Lan. She wants to be a singer because she likes to sing. She wants to be a famous person.

1. Phong likes to play football

2. Phong wants to be a footballer.

3. Phong always watches games on T.V.

4. Lan wants to be a singer.

-The end-

VnDoc.com

TEST 13

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C hoặc D) trước từ có cách phát âm ở phần gạch chân khác với từ còn lại (1,5 điểm)

- 1. A. go B. some C. hope D. holiday.
- 2. A. pack B. ask C. away D. suitcase
- 3. A. music B. fun C. flu D. club
- 4. A. camping B. ocean C. country D. celebrate
- 5. A. cook B. ciinema C. cake D. candy
- 6. A. blouse B. trousers C. house D. country

Bài 3: Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu (1,5 điểm)

- 1. Ho Chi Minh city is _____ than Hanoi (*biger, bigger, the biggest*)
- 2. This book isn't _____ (*my, mine, me*)
- 3. My _____ name is Phong (*brother, brothers, brother's*)
- 4. Does he _____ in Hue? (*live, lives, living*)
- 5. I _____ at Lan's birthday party last night (*was, were, am*)
- 6. They are going to _____ a song (*sing, sings, singing*)

Bài 3 . Đọc đoạn văn và điền T nếu thông tin là đúng, F nếu thông tin là sai vào các câu bên dưới.(1,25 điểm)

My name is Nam. I have a brother. His name is Phong. He is youger but taller than me. This is our room. Those are our school bags. Phong's school bag is bigger than mine because he has many books in it. That is my table. It is longer than Phong's and I many things on it: notebooks, a radio and a computer.

- 1. Phong is older than Nam. _____
- 2. Phong is taller than Nam. _____
- 3. Nam's school bag is smaller than Phong's _____
- 4. Nam's table is longer than Phong's _____
- 5. There is a computer on Nam's table _____

Bài 4: Mỗi câu sau có 1 lỗi sai. Em hãy tìm và sửa lại cho đúng (1,5 điểm)

- 1. Does Lan and Hoa usually go shopping on Sundays?
.....
- 2. What are you going to do in this weekend?
.....
- 3. What does he do in 1982?
.....
- 4. I'm going to cinema this evening.

.....

5. He works in the factory. He is a farmer

.....

6. What did you have to breakfast?

.....

Bài 5: Kết hợp 1 câu hỏi ở cột A với 1 câu trả lời ở cột B cho phù hợp (1,25 điểm)

A	B	Trả lời
1. When do you begin the new school year?	a. It's about 200 kilometres long	1__
2. Why don't you like the winter?	b. It's 20 dolas	2__
3. How are they going to travel?	c. In spring	3__
4. How long is that river?	d. Because it often cold and sometimes very cold	4__
5. How much is the bag?	e. By train	5__

Bài 6 :Sắp xếp lại các từ, cum từ đã cho thành câu hoàn chỉnh(1 điểm)

1. music / did / to / listen / you / last night / ?

.....

2. at / I / home / stayed / yesterday.

.....

3. wants / a / Phong / footballer / to / be .

.....

4. by / go / to / they / usually / school / bus.

.....

Bài 7: Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi(2 điểm)

Hi, I'm Nam. I am going to visit my grandparents this weekend . They live in the countryside. I'm going to stay there for two days. I'm going to plant some flowers in the garden near the house

1. Who is he going to visit this weekend?

.....

2. Where do his grandparents live?

.....

3. How long is he going to stay there?

.....

4. What is he going to plant in the garden?

.....

-The end-

VnDoc.com

TEST 14

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C hoặc D) trước từ có cách phát âm ở phần gạch chân khác với từ còn lại (1,5 điểm)

- | | | | |
|---------------|-----------|------------|-------------|
| 1. A. station | B. cinema | C. place | D. late |
| 2. A. left | B. zebra | C. next | D. wet |
| 3. A. near | B. hear | C. ear | D. ahead |
| 4. A. excuse | B. must | C. sun | D. junction |
| 5. A. evening | B. desk | C. welcome | D. next |
| 6. A. live | B. music | C. listen | D. decide |

Bài 2: Có bao nhiêu cách đọc ở phần gạch chân của các từ sau:(1,5 điểm)

- | | | | | |
|-----------|---------|---------|-----------|-------|
| 1. much | teacher | kitchen | ache | _____ |
| 2. fast | last | man | late | _____ |
| 3. do | go | hot | cold | _____ |
| 4. summer | usually | autumn | sunny | _____ |
| 5. season | weather | scream | breakfast | _____ |
| 6. never | often | evening | wet | _____ |

Bài 3: Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi(2 điểm).

Hi. My name is Minh. Last year I visited my friend. He lives in a small town, about 30 kilometres far from my house. The town is near a beautiful river. It's about 20 metres wide and we went swimming in the river every day.

1. Who did Minh visit last year?

.....

2. How far is it from Minh's house to the town?

.....

3. How wide is the river?

.....

4. Is the river beautiful?

.....

Bài 4: Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu (1,5 điểm)

- 1. She teaches in a school. So she is a _____ (worker, farmer, teacher)
- 2. The cinema is _____ your left. (in, on, at)
- 3. There is _____ book shop here. (a, an , two)
- 4. Turn right _____ Tran Hung Dao Street (in, into, on)
- 5. The giraffe is the _____ animal in the zoo. (tallest, tall, taller)
- 6. Which country has the biggest population? (China, India, Russia)

Bài 5: Mỗi câu sau có 1 lỗi sai. Em hãy tìm và sửa lại cho đúng (1 điểm)

- 1. Students sometimes like to have picnic
.....
- 2. Mr Brown always goes to work in car
.....
- 3. Can you tell me the way to hospital ?
.....
- 4. There are a dog under the table.
.....

Bài 6 : Sắp xếp lại các từ, cum từ đã cho thành câu hoàn chỉnh(1 điểm)

- 1. wide / your / is / room / how / ? /
.....
- 2. thicker / is / this / than / book / one / that /
.....
- 3. you / in / usually/ what / do / do / summer / ? /
.....
- 4. you / what / matter / the / is / with / ?/
.....

Bài 7: Hoàn thành bảng sau dùng từ cho sẵn (1,5 điểm)

watch	swimming	shop	police station	volleyball	cook
badminton		museum	read	tennis	sing
	post office	football	play		cinema

Activities	Places	Games/ sports

-The end-

VnDoc.com

TEST 15

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C hoặc D) trước từ có cách phát âm ở phần gạch chân khác với từ còn lại (1,5 điểm)

- | | | | |
|------------------------|--------------------|---------------------|---------------------|
| 1. A. <u>l</u> anguage | B. <u>m</u> ath | C. <u>a</u> rt | D. <u>h</u> as |
| 2. A. <u>n</u> ight | B. <u>g</u> iraffe | C. <u>t</u> iger | D. <u>t</u> ime |
| 3. A. <u>d</u> oor | B. <u>s</u> chool | C. <u>f</u> ootball | D. <u>r</u> oom. |
| 4. A. <u>f</u> un | B. <u>r</u> uler | C. <u>n</u> umber | D. <u>s</u> ubject. |
| 5. A. <u>t</u> each | B. <u>e</u> at | C. <u>p</u> lease | D. <u>y</u> ear. |
| 6. A. <u>w</u> indy | B. <u>s</u> unny | C. <u>s</u> ky | D. <u>r</u> ainy |

Bài 2: Khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C hoặc D) trước từ khác loại với các từ còn lại (1,5 điểm)

- | | | | |
|----------------|-------------|--------------|---------------|
| 1. A. wide | B. long | C. high | D. kilometre |
| 2. A. season | B. summer | C. winter | D. spring. |
| 3. A. tennis | B. football | C. music | D. badminton. |
| 4. A. sing | B. learn | C. train | D. play |
| 5. A. headache | B. earache | C. toothache | D. food |
| 6. A. to | B. go | C. on | D. between |

Bài 3: Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu (1,5 điểm)

1. There are some pictures _____ the wall (on, in, at)
2. She works on the farm. She is a _____. (farmer, singer, doctor)
3. How _____ are you? - I'm 12 (tall, long, old)
4. There are twenty _____ in my class (boys, girl, boy)
5. He _____ at home last night. (stays, stayed, stay)
6. I'm _____ than you. (shorter, short, shortest)

Bài 4: Mỗi câu sau có 1 lỗi sai. Em hãy tìm và sửa lại cho đúng (1 điểm)

1. I'm going visit my friends this weekend.
.....
2. Phong want to be a footballer
.....
3. How long is it from your house to school?
.....
4. What the weather like in autumn?
.....

Bài 5: Hoàn thành bài hội thoại dùng các từ cho sẵn (2,5 điểm)

Some	matter	doctor	temperature	aspirin
------	--------	--------	-------------	---------

A: You don't look well. What's the _____ with you ?

B: I feel sick. I have a _____. My head is aching.

A: Would you like me to phone the _____?

B: No. I'd like _____ lemon juice.

A: Take some _____ and have a rest.

B: Thanks. I think I'll feel better soon.

Bài 6: Đọc bài hội thoại sau đó trả lời câu hỏi (1 điểm)

A: What are you going to do this summer holiday?

B: I'm going to visit Hanoi.

A: Where are you going to stay?

B: I'm going to stay in my uncle's house.

B: How long are you going to stay there?

A: For two days.

B: How are you going to travel?

A: I'm going to travel by train.

1. What is he going to do this summer?

.....

2. Where is he going to stay?

.....

3. How long is he going to stay?

.....

4. How is he going to travel?

.....

Bài 7 : Sắp xếp lại các từ, cụm từ đã cho thành câu hoàn chỉnh(1 điểm)

1. how / animal / fast / the / is / fastest /?

.....

2. didn't / to / yesterday / I / go / school.

.....

3. old / Uncle Ho / died / how / when / he / was /?

.....

4. learning / in / they / the / classroom / are.

.....

-The end-

VnDoc.com

TEST 16

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C hoặc D) trước từ có cách phát âm ở phần gạch chân khác với từ còn lại (1,5 điểm)

- | | | | |
|--------------------------------|--------------------|------------------------------|------------------------------|
| 1. A. b <u>a</u> t | B. a <u>n</u> imal | C. m <u>a</u> n | D. am <u>a</u> zing |
| 2. A. m <u>o</u> uth | B. cl <u>o</u> ud | C. bl <u>o</u> use | D. sh <u>o</u> uld |
| 3. A. m <u>a</u> tt <u>e</u> r | B. h <u>a</u> nd | C. st <u>o</u> m <u>a</u> ch | D. a <u>s</u> pirin |
| 4. A. br <u>e</u> ak | B. h <u>e</u> ad | C. br <u>e</u> ad | D. ch <u>e</u> ap |
| 5. A. f <u>u</u> n | B. r <u>u</u> ler | C. n <u>u</u> mb <u>e</u> r | D. s <u>u</u> bj <u>e</u> ct |
| 6. A. st <u>a</u> tion | B. cin <u>e</u> ma | C. pl <u>a</u> ce | D. l <u>a</u> te |

Bài 2: Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu (1,5 điểm)

1. Lan usually _____ to school by bicycle. (go, goes, going)
2. Nam and I _____ going to have a picnic (is, are, am)
3. He serves in the police. He is a _____ (work, doctor, policeman)
4. What time _____ you have lunch yesterday? (did, do, does)
5. These shoes are _____ than those ones. (big, bigger, bigger)
6. _____ can I get there ? (what, where, how)

Bài 3: Có bao nhiêu cách đọc ở phần gạch chân của các từ sau:(1,5 điểm)

- | | | | | |
|---------------------|----------------|-------------------|------------------|-------|
| 1. <u>o</u> range | w <u>r</u> ote | w <u>o</u> n | d <u>o</u> | _____ |
| 2. <u>c</u> ake | gr <u>a</u> pe | or <u>a</u> nge | w <u>a</u> ter | _____ |
| 3. l <u>e</u> mon | g <u>e</u> t | d <u>e</u> cide | min <u>e</u> ral | _____ |
| 4. w <u>e</u> ekend | m <u>e</u> et | eng <u>i</u> neer | b <u>e</u> er | _____ |
| 5. <u>u</u> nder | <u>u</u> ncle | m <u>u</u> sic | l <u>u</u> nb | _____ |
| 6. <u>i</u> n | n <u>i</u> ce | b <u>e</u> hind | l <u>i</u> ke | _____ |

Bài 4: Kết hợp 1 câu hỏi ở cột A với 1 câu trả lời ở cột B cho phù hợp (1,5 điểm)

A	B	Trả lời
1. They rarely watch	a. to school ?	1__
2. Why do you want	b. in my class.	2__
3. There are twenty girls.....	c. longer than yours	3__
4. My ruler is	d. television in the morning.	4__
5. How far is it from your house.....	e. to visit Ho Chi Minh City?	5__
6. What' s the weather like	f. in Thai Binh to day ?	6__

Bài 5: Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi (1 điểm).

This summer holiday my parents are going to take me to Hanoi. We are going to travel by car. We are going to stay in my uncle’s house for two weeks. We are going to visit President Ho Chi Minh Mausoleum, Hoan Kiem Lake, Temple of Literature, and Lenin Park. We are going to go shopping in Dong Xuan market, and I’m going to buy some souvenirs for my friends.

1. Where are they going to go this summer holiday?
.....
2. How are they going to travel ?
3. What are they going to visit?
4. What is she going to buy?

Bài 6: Mỗi câu sau có 1 lỗi sai. Em hãy tìm và sửa lại cho đúng (1 điểm)

1. It very hot in summer
2. What do you want play?
3. Phong usually watch games on T.V.....
4. The living room is large than the kitchen.....

Bài 7 : Sắp xếp lại các từ, cum từ đã cho thành câu hoàn chỉnh(1 điểm)

1. do / want / to / a / why/ you / be / doctor / ? /
.....
2. Tom / going / ride / at / weekend / is / to / a / bicycle / the.
.....
3. go / let’s / to / zoo / the .
.....
4. there / police station / is / a / here / near/ ? /
.....

Bài 8 : Trả lời các câu hỏi sau (1 điểm)

1. Where were you yesterday ?
.....
2. How many people are there in your family?
.....

3. How far is it from you house to school ?

.....

4. Why do you want to learn English?

.....

-The end-

Find more at:
www.minh-pham.info